

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

Bản án số: 186/2024/HSST
Ngày 24 - 12 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thề, ông Nguyễn Xuân Tung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Loan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Huy Hoàng, ông Lương Thành Công - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 189/2024/HSST ngày 11 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2024/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 12 năm 2024, đối với:

- Các bị cáo:

1/ Vũ Văn Q, sinh năm 1999, tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông: Vũ Văn N và bà Hoàng Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/8/2024 đến 25/8/2024 được hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; tạm giam: Không; bị cáo tại ngoại tại địa phương; có mặt.

2/ Tăng Thị Thu T, sinh năm 1991, tên gọi khác: Không; Nơi ĐKNKTT: Phường T, TP., tỉnh Lạng Sơn; Nơi ở hiện nay: Số G hẻm E K, phường V, quận H, thành phố Hà Nội; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông: Tăng Văn S và bà Từ Thị H; chồng: Vũ Quốc Đ; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/8/2024 đến 25/8/2024 được hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; tạm giam: Không; bị cáo tại ngoại tại địa phương; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Vũ Văn Q và Tăng Thị Thu T: Luật sư Trịnh

Ngọc T1, luật sư Nguyễn Văn C, luật sư Nguyễn Thị V - Công ty L3; địa chỉ: số C C, khu đô thị H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Công ty cổ phần X3; địa chỉ trụ sở chính: Tầng B Khu V, Tòa T, Khu đô thị T, số D M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Bá D - Tổng giám đốc, ông Đặng Ngọc V1 - Chủ tịch hội đồng quản trị; đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Trọng L - Giám đốc dự án, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

+ Ông Trương Ngọc T2, sinh năm 1980; ĐKNKTT: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: CT 10B Khu đô thị Đ, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

+ Chị Trương Thị T3, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tòa nhà C N, phường P, quận H, thành phố Hà Nội;

+ Anh Trần Hồng G, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn N, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam;

+ Anh Nguyễn Như T4, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn F, xã N, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

+ Anh Đặng Xuân T5, sinh năm 1990,

+ Anh Lê Thanh H1, sinh năm 1989,

+ Anh Lê Văn T6, sinh năm 1993,

+ Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1991,

Đều địa chỉ: Thôn Q, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

+ Ông Hồ Văn L1, sinh năm 1968,

+ Ông Hồ Văn H2, sinh năm 1967,

Đều địa chỉ: Thôn D, xã Đ, thị xã K, tỉnh Hà Nam;

+ Bà Vũ Thị T7, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thị xã K, tỉnh Hà Nam;

+ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1971;

+ Ông Hà Văn T8, sinh năm 1976,

+ Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1976,

+ Ông Hà Văn N2, sinh năm 1974;

+ Bà Phan Thị N3, sinh năm 1970,

+ Bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1975,

+ Bà Trần Thị P, sinh năm 1969,

Đều địa chỉ: Tổ dân phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam;

+ Ông Nguyễn Hữu H3, sinh năm 1969, địa chỉ: Tổ dân phố B, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam;

+ Anh Lò Văn D2, sinh năm 1991, địa chỉ: Bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

+ Chị Lò Thị X, sinh năm 1992,

+ Anh Lò Văn T9, sinh năm 2003;

+ Anh Lò Văn C1, sinh năm 2000,

+ Anh Lò Văn B1, sinh năm 2002;

Đều địa chỉ: Bản T, xã C, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

+ Chị Lò Thị M, sinh năm 1985, địa chỉ: Bản P, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

+ Anh Quàng Văn K2, sinh năm 1984,

+ Anh Lường Văn Đ1, sinh năm 1989,

+ Anh Lò Văn Đ2, sinh năm 1989,

+ Anh Lương Văn C2, sinh năm 1988,

+ Ông Lò Văn C3, sinh năm 1976,

+ Chị Quàng Thị T10, sinh năm 1982,

+ Anh Hoàng Văn Đ3, sinh năm 1991,

Đều địa chỉ: Bản B, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

+ Anh Lường Văn T11, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

+ Ông Quàng Văn K3, sinh năm 1977, địa chỉ: Bản T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

+ Anh Lường Văn K4, sinh năm 1994, địa chỉ: Bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

+ Anh Lò Văn X1, sinh năm 1985,

+ Anh Lường Văn T12, sinh năm 1993,

Đều địa chỉ: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

+ Anh Quàng Văn T13, sinh năm 1980, địa chỉ: Bản X, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

+ Anh Lò Văn X2, sinh năm 1984,

+ Chị Lò Thị C4, sinh năm 1986,

Đều địa chỉ: Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

+ Anh Lò Văn P1, sinh năm 1990, địa chỉ: Bản L, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

+ Anh Nguyễn Tuấn N4, sinh năm 1982,

- + Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1980,
Đều địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;
- + Ông Mai Tiến D3, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.
- + Anh Lương Văn Y, sinh năm 1991, địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình;
- + Anh Lò Việt C5, sinh năm 2000, địa chỉ: Bản Đ, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu;
- + Anh Chèo Láo P2, sinh năm 1999, địa chỉ: Bản S, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu;
- + Chị Tẩn U M1, sinh năm 1996, địa chỉ: Bản X, xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu;
- + Ông Vàng À P3, sinh năm 1978, địa chỉ: Khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu;
- + Ông Trần Văn H4, sinh năm 1979, địa chỉ: Xóm C, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- + Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội;
- + Anh Nguyễn Đức T14, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Ú, thành phố Hà Nội;
- + Anh Kha Văn S1, sinh năm 1987,
- + Anh Lương Văn T15, sinh năm 1991,
- + Anh Kha Văn K5, sinh năm 1993,
- + Anh Lương Thái T16, sinh năm 2004;
- + Anh Lương Văn C6, sinh năm 1994;
Đều địa chỉ: Bản T, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An;
- + Chị Lò Thị D4, sinh năm 1979,
- + Chị Lò Thị P4, sinh năm 1982,
Đều địa chỉ: Bản L, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La;
- + Anh Lò Văn T17, sinh năm 1993, địa chỉ: Bản Í, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La;
- + Chị Hoàng Thị B2, sinh năm 1994,
- + Anh Hoàng Văn T18, sinh năm 2002,
Đều địa chỉ: Bản L, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La;
- + Chị Lò Thị H5, sinh năm 1985, địa chỉ: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La;
- + Anh Lò Văn H6, sinh năm 1988,

+ Ông Lò Văn T19, sinh năm 1974,
Đều địa chỉ: Bản M, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La;

+ Anh Hoàng Văn M2, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái;

+ Bà Lường Thị Y1, sinh năm 1971, địa chỉ: Tổ T, xã T, huyện N, tỉnh Yên Bái;

+ Anh Vàng A C7, sinh năm 2001, địa chỉ: Bản M, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái;

+ Chị Hoàng Thị N5, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Yên Bái;

+ Anh Ngô Văn T20, sinh năm 1986, địa chỉ: Bản L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái;

+ Chị Hoàng Thị P5, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ B, xã P, huyện N, tỉnh Yên Bái;

+ Ông Phạm Văn M3, sinh năm 1968,
+ Anh Vũ Văn C8, sinh năm 1987,
+ Anh Nguyễn Văn T21, sinh năm 1983,
Đều địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;

+ Ông Nguyễn Văn Y2, sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ B, xã P, huyện N, tỉnh Yên Bái;

+ Chị Quàng Thị N6, sinh năm 1995, địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Sơn La;

+ Anh Lò Văn B1, sinh năm 1993, địa chỉ: Bản T, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên;

+ Chị Triệu Nguyên V2, sinh năm 2003, địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái;

+ Anh Phan Trường A, sinh năm 2005, địa chỉ: Tổ dân phố số G, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai

Tại phiên toà có mặt các bị cáo và Luật sư Trịnh Ngọc T1, Luật sư Nguyễn Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt: Ông Phạm Trọng L, anh Trần Hồng G, anh Đặng Xuân T5, anh Lê Thanh H1, anh Lê Văn T6, anh Nguyễn Văn D1, anh Lò Văn B1, anh Trần Tuấn N7, anh Nguyễn Văn D1, ông Mai Tiến D3, ông Vàng À P3, anh Ngô Văn T20, ông Phạm Văn M3, anh Vũ Văn C8, anh Vũ Văn T22, chị Quàng Thị N6, anh Triệu Nguyên V2; vắng mặt Luật sư Nguyễn Thị V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần X3, hoạt động về lĩnh vực xây dựng có trụ sở tại số C M, phường V, quận H, TP . do ông Ngô Bá D, SN 1985, ở thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh làm Tổng Giám đốc. Quá trình thi công xây dựng nhà máy Công ty S2 ở Khu công nghiệp Đ thuộc phường T, thị xã D, Công ty X3 đã ký hợp đồng lao động với các công nhân. Theo quy định của pháp luật, hồ sơ lao động xin vào làm việc của các công nhân phải có các giấy tờ như Căn cước công dân (phôtô); Bản cam kết về an toàn lao động của công nhân; Hợp đồng lao động; Giấy khám sức khỏe. Với mục đích để tiết kiệm chi phí và thời gian đi lại cho công nhân, Vũ Văn Q, SN 1999 ở thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, là nhân viên của Công ty X3, Giám đốc phụ trách an toàn lao động của dự án xây dựng Nhà máy Công ty S2 đã phối hợp cùng Tăng Thị Thu T, SN 1991, Số G hẻm E K, phường V, quận H, TP . Hà Nội, là nhân viên kế toán Công ty X3 tìm mua các Giấy khám sức khỏe giả trên mạng để đưa vào hồ sơ lao động. Từ khoảng đầu tháng 3/2024 đến khoảng cuối tháng 5/2024, khi các công nhân đến xin vào làm việc tại công trường, Quyền yêu cầu các công nhân nộp căn cước công dân bản phô tô, sau đó Quyền nhập thông tin của các công nhân này vào file danh sách trong ứng dụng Exel trên máy tính nhãn hiệu DELL, màu đen của Công ty X3, Quyền dùng số điện thoại 0383189545 của mình để đăng nhập vào ứng dụng Zalo đã được cài sẵn trên máy tính của công ty cấp mang tên “Quyền” để nhắn tin, gọi điện, gửi file danh sách công nhân đến tài khoản Zalo mang tên “Tăng Thu T” của T đã được cài sẵn trên máy tính của công ty cấp cho T. Sau mỗi lần Quyền gửi file danh sách các công nhân mới đến xin làm việc ở công trường cho T qua tài khoản Zalo thì T xác nhận đồng ý vào tin nhắn rồi tải file danh sách này xuống lưu vào máy tính nhãn hiệu HP, màu bạc do Công ty X3 cấp cho để phối hợp với Quyền theo dõi. Khi xác định các công nhân đã ký hợp đồng với Công ty X3 và đang lao động tại công trường xây dựng Nhà máy Công ty S2 thì Q sẽ thống nhất số lượng và danh sách cụ thể với T qua nhắn tin hoặc gọi điện trên ứng dụng tài khoản Zalo. Sau khi cả hai chốt được danh sách cụ thể số lượng công nhân, T đăng nhập vào mạng xã hội và tìm kiếm người bán Giấy khám sức khỏe giả và kết bạn với người có tài khoản Zalo mang tên “Vy Ha” để đặt mua 78 Giấy khám sức khỏe giả, với giá 70.000 đồng/01 Giấy khám sức khỏe giả. Sau khi đặt khoảng một đến hai ngày thì T nhận được 01 bưu phẩm từ 01 người giao hàng (không rõ tên tuổi, địa chỉ), trên bưu phẩm chỉ ghi thông tin của T, không ghi thông tin của người gửi. Khi nhận được bưu phẩm, T mở ra thấy bên trong có 78 Giấy khám sức khỏe giả, khổ giấy A3 để trống thông tin của người khám sức khỏe, trong đó có 76 Giấy khám sức khỏe mang tên Công ty cổ phần Bệnh viện G1 và 02 Giấy khám sức khỏe mang tên Bệnh viện B3 cấp, đã có kết quả và chữ ký của bác sỹ và dấu tròn đỏ xác nhận của Bệnh viện, T thanh toán số tiền mặt là

5.460.000 đồng cho người giao hàng rồi gửi số Giấy khám sức khỏe giả trên qua đường bưu điện về công trường xây dựng Nhà máy Công ty S2 cho Q. Khi nhận được bưu phẩm có 78 Giấy khám sức khỏe giả do T gửi đến, Quyền kiểm tra xác nhận đủ rồi lấy từng tờ Giấy khám sức khỏe giả để điền thêm thông tin vào các mục “Ngày tháng năm cấp” ở phần đầu và phần cuối mỗi tờ, “Họ và tên”, “tuổi”, “Số CMND/CCCD/HC/định danh CD”, “cấp ngày”; “Chỗ ở hiện tại”; “Lý do khám sức khỏe” và Q tự ký tên, ghi rõ họ tên của các công nhân đang làm việc tại công trường xây dựng Nhà máy Công ty S2 vào phần “Người đề nghị khám sức khỏe”. Sau đó kẹp các Giấy khám sức khỏe giả này vào hồ sơ xin việc của các công nhân với mục đích để đối phó với đoàn kiểm tra bên tư vấn giám sát của chủ đầu tư (thực tế chưa có đoàn kiểm tra nào đến kiểm tra).

Sau khi mua 78 Giấy khám sức khỏe giả trên, T gặp chị Trương Thị T3 là Thủ quỹ của Công ty X3 để đề nghị thanh toán tiền đã mua 78 Giấy khám sức khỏe giả với giá 80.000 đồng/một Giấy khám sức khỏe và chị T3 đã thanh toán cho T số tiền là 6.240.000 đồng. T một mình chiếm hưởng lợi số tiền 10.000 đồng/một Giấy khám sức khỏe tương đương với số tiền là 780.000 đồng.

Ngày 30/5/2024, Phòng An ninh kinh tế Công an tỉnh H làm việc với Công ty X3 tại Công trường xây dựng Nhà máy Công ty S2 yêu cầu cung cấp toàn bộ hồ sơ xin việc của công nhân và đã phát hiện, thu giữ 78 Giấy khám sức khỏe giả trên.

Tại Bản Kết luận giám định số 408/KL-KTHS ngày 11/6/2024 của Phòng K6 Công an tỉnh H, kết luận:

- + Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI” trên mẫu cần giám định A1, A2 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- + Chữ ký đứng tên Trưởng phòng khám S3 – BSCKI Nguyễn Thị C9 dưới mục “NGƯỜI KẾT LUẬN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký của BSCKI Nguyễn Thị C9 trên mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một người ký ra.

Tại Bản Kết luận giám định số 543/KL-KTHS ngày 22/7/2024 của Phòng K6 Công an tỉnh H, kết luận:

- + Chữ ký đứng tên BSCK II Nguyễn Bá T23 dưới mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên mẫu cần giám định khác dạng so với chữ ký của BSCK II Nguyễn Bá T23 trên mẫu so sánh nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra không.

- + Chữ ký đứng tên ThS.BS. Lại Thùy D5 dưới mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên mẫu cần giám định khác dạng so với chữ ký của ThS.BS. Lại Thùy D5 trên mẫu so sánh nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra không.

+ Chữ ký đứng tên ThS.BS. Bùi Thị M4 dưới mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên mẫu cần giám định khác dạng so với chữ ký của ThS.BS. Bùi Thị M4 trên mẫu so sánh nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra không.

+ Chữ ký đứng tên BSCKII. Lê Bảo T24 dưới mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên mẫu cần giám định khác dạng so với chữ ký của BSCKII. Lê Bảo T24 trên mẫu so sánh nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra không.

+ Hình dấu tròn có nội dung “BỘ Y TẾ - BỆNH VIỆN BẠCH MAI” trên mẫu cần giám định so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Ngày 17/6/2024, Phòng An ninh kinh tế Công an tỉnh H chuyển hồ sơ cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã D để tiến hành xác minh, giải quyết theo quy định.

Ngày 17/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an thị xã D khám xét khẩn cấp nơi làm việc của Vũ Văn Q tại Công trường xây dựng Nhà máy Công ty S2 ở Khu công nghiệp Đ thuộc phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam và nơi làm việc của Tăng Thị Thu T tại Công ty X3 ở số C M, phường V, quận H, TP .. Quá trình khám xét đã thu giữ 01 máy tính nhãn hiệu DELL, màu đen, model dell Inspiron 15-7559, số seri J2CMKD2 đã qua sử dụng của Vũ Văn Q và 01 máy tính nhãn hiệu HP, màu bạc, model 15-DA0048TU, số seri CND83710DD đã qua sử dụng của Tăng Thị Thu T.

Cơ quan CSĐT Công an thị xã D đã tiếp nhận, tạm giữ các vật chứng, tài sản sau: Tiếp nhận từ Phòng An ninh kinh tế Công an tỉnh H 70 Giấy khám sức khỏe giả (bản gốc) và 06 Giấy khám sức khỏe giả (bản phô tô) mang danh Công ty cổ phần G1 cấp; 02 Giấy khám sức khỏe giả (bản gốc) mang danh Bệnh viện B3 cấp và số tiền 780.000 đồng bị cáo T đã tự nguyện giao nộp.

Tại Bản Kết luận giám định số 585/KL-KTHS ngày 08/8/2024 của Phòng K6 Công an tỉnh H, kết luận:

+ Hình dấu tròn có nội dung “M.S.D.N:0107276138-C.T.C.P-Q. ĐỒNG ĐA-TP . HÀ NỘI-CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A68 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký đứng tên Trưởng phòng khám S3 – BSCKI Nguyễn Thị C9 dưới mục “NGƯỜI KẾT LUẬN” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A68 so với chữ ký của BSCKI Nguyễn Thị C9 trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

+ Mẫu cần giám định ký hiệu từ A69 đến A74 là tài liệu sao chụp nên không tiến hành giám định.

Tại Bản Kết luận giám định số 1667/KL-KTHS ngày 30/9/2024 của Phòng K6 Công an tỉnh N, kết luận:

+ Phục hồi, trích xuất được 01 file video tên “Zalo-T-Quyen.mp4”, dung lượng 98,8 MB có chứa nội dung tin nhắn Zalo từ tài khoản “Tăng Thu T” với tài khoản “Quyền” và tài khoản “Vy Ha” trong thời gian tháng 3/2024 đến tháng 5/2024 trong mẫu gửi giám định. Dữ liệu được phục hồi trích xuất lưu trong 01 đĩa DVD có chứa 01 file video tên “Zalo-T-Quyen.mp4” dung lượng 98,8 MB.

+ Không phục hồi, trích xuất được dữ liệu: Nội dung tin nhắn Zalo từ tài khoản “Quyền” với tài khoản “Tăng Thu T” trong thời gian tháng 3/2024 đến tháng 5/2024 trong mẫu gửi giám định.

Cơ quan CSĐT tiến hành kiểm tra dữ liệu máy tính nhãn hiệu DELL của Vũ Văn Q và máy tính nhãn hiệu HP của Tăng Thị Thu T, kết quả:

+ Kiểm tra ổ D của phần PC máy tính của Vũ Văn Q tại thư mục “DỰ ÁN SHENYAN” bên trong thư mục có mục “BẢO HIỂM ATLĐ DS” thấy 01 file Exel có liên quan đến vụ án. Đã được in ra 11 tờ giấy A4.

+ Kiểm tra ổ D của phần This PC máy tính của Tăng Thị Thu T tại thư mục “210921 CẬP NHẬT TỒN KHO CÁC DỰ ÁN” bên trong có thư mục “MUA BẢO HIỂM DỰ ÁN” và thư mục “DS TỔNG HỢP MUA BH DỰ ÁN”. Sau đó tiếp tục vào thư mục “SHENYAN – HA NAM” thấy 13 file Exel có liên quan đến vụ án, được in ra 20 tờ giấy A4.

Cáo trạng số 05/CT-VKS - DT ngày 10/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên đã truy tố các bị cáo Vũ Văn Q, Tăng Thị Thu T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Vũ Văn Q, Tăng Thị Thu T mỗi bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách mỗi bị cáo là 05 năm. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa còn đưa ra quan điểm về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và án phí của vụ án.

Người bào chữa cho các bị cáo, Luật sư T1, Luật sư C đều phát biểu đề nghị HĐXX giảm nhẹ thời gian thử thách cho các bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với bài bào chữa và không có tranh luận gì;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Từ đầu tháng 3/2024 đến cuối tháng 5/2024, Vũ Văn Q cùng Tăng Thị Thu T đều là nhân viên Công ty Cổ phần X3 đã cùng nhau thống nhất lập danh sách các công nhân đang làm việc thi công xây dựng nhà máy Công ty S2 ở Khu công nghiệp Đ thuộc phường T, thị xã D mua 78 Giấy khám sức khỏe giả trên mạng để hợp pháp hóa hồ sơ xin việc cho các công nhân, trong đó có 76 Giấy khám sức khỏe giả mang danh Công ty cổ phần Bệnh viện G1 và 02 Giấy khám sức khỏe giả mang danh Bệnh viện B3 với giá 70.000 đồng/01 giấy. Sau khi nhận được 78 Giấy khám sức khỏe giả do T gửi qua đường Bưu điện về công trường xây dựng cho Q, Quyền tự điền thêm các thông tin về tên tuổi, địa chỉ, ngày tháng năm sinh của 78 công nhân vào các giấy khám sức khỏe trên để hoàn thiện hồ sơ lao động. Sau đó, T báo thủ quỹ Công ty X3 để thanh toán tiền mua 78 giấy khám sức khỏe giả với giá 80.000 đồng/1 giấy khám sức khỏe để lấy số tiền 6.240.000 đồng. Bản thân T hưởng lợi số tiền 780.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật quản lý hành chính nhà nước về quản lý tài liệu, giấy tờ của cơ quan, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo mua các giấy khám sức khỏe giả để hoàn thiện hồ sơ cho các công nhân đang thi công xây dựng tại công trường xây dựng Nhà máy Công ty S2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét vai trò: Quyền và T cùng bàn bạc thống nhất mua các Giấy khám sức khỏe giả nên có vai trò đồng phạm ngang nhau.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS):

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo ra đầu thú, bị cáo Q còn nộp các tài liệu thể hiện bị cáo có thời gian tham gia quân đội và được tặng danh hiệu chiến sĩ tiên tiến năm 2018, danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2019, bị cáo Tăng Thị Thu T đã nộp số tiền 780.000 đồng đã chiếm lợi cho do hành phạm tội của mình, con bị cáo Trang bị bệnh tim bẩm sinh nên các bị cáo Q, T đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Từ những nhận định trên nhận thấy các bị cáo là người có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng vì vậy không cần phải cách ly khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình, xã hội tạo điều kiện cho các bị cáo cải sửa mình và phòng ngừa chung trong xã hội.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về đối tượng khác, tình tiết khác:

Đối với tài khoản Zalo mang tên "Vy Ha" mà bị cáo T đã liên hệ mua các Giấy khám sức khỏe giả, do không có thông tin, tài liệu nào liên quan đến tài khoản Zalo trên nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ để xác minh làm rõ là đúng pháp luật.

Đối với ông Ngô Bá D là Tổng Giám đốc Công ty X3 quá trình điều tra xác định, việc làm Giấy khám sức khỏe giả của các bị cáo Q và T không báo cáo việc này cho ông và Công ty, do đó ông D không biết việc làm trên của các bị cáo nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ xem xét xử lý đối với ông D là có căn cứ.

Đối với chị Trương Thị T3 là Thủ quỹ Công ty X3, quá trình điều tra xác định bị cáo T không xuất trình các giấy khám sức khỏe cho T3, T chỉ làm mục thanh toán ghi tổng số tiền được thanh toán nên mặc dù chị T3 đã thanh toán tiền mua các Giấy khám sức khỏe giả cho bị cáo T nhưng Cơ quan CSĐT không có căn cứ xem xét xử lý đối với chị T3 là đúng pháp luật.

Đối với 78 công nhân có tên ghi trong Giấy khám sức khỏe giả (trong đó có trường hợp anh Nguyễn Văn Y2 là có hai hồ sơ, có 01 giấy khám sức khỏe bản chính, có 01 hồ sơ giấy khám sức khỏe bản sao), quá trình điều tra xác định các công nhân này khai sau khi cung cấp thông tin cá nhân cho Q để được vào làm ở công trường xây dựng Nhà máy Công ty S2, bản thân các công nhân này không bàn bạc, thống nhất từ trước, không biết việc Q lấy thông tin cá nhân của họ để làm Giấy khám sức khỏe giả nên Cơ quan CSĐT không xem xét xử lý đối với 78 công nhân này là có căn cứ.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 máy tính nhãn hiệu DELL; 01 máy tính nhãn hiệu HP, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Công ty X3 cấp cho các bị cáo Q và Trang phục vụ công việc của Công ty. Việc hai bị cáo lợi dụng hai chiếc máy tính này để bàn bạc, thống nhất làm Giấy khám sức khỏe giả Công ty X3 không biết nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã D đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại hai chiếc máy tính trên cho Công ty X3 là đúng pháp luật.

Đối với 76 Giấy khám sức khỏe giả mang danh Công ty cổ phần Bệnh viện G1 cấp và 02 Giấy khám sức khỏe giả mang danh Bệnh viện B3 cấp; 01 đĩa DVD ghi âm buổi hỏi cung bị cáo Tăng Thị Thu T ngày 27/8/2024; 01 đĩa DVD có chứa 01 file video tên "Zalo-T-Quyen.mp4" dung lượng 98,8 MB; 01 đĩa DVD ghi âm buổi hỏi cung bị cáo Vũ Văn Q ngày 15/11/2024 là tài liệu vật chứng chứng minh tội phạm cần được lưu lại tại hồ sơ vụ án phục vụ cho công tác xét xử.

Đối với số tiền 780.000 đồng được xác định là tài sản do phạm tội mà có cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn Q, Tăng Thị Thu T phạm tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt:

Vũ Văn Q 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tăng Thị Thu T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, giao bị cáo Tăng Thị Thu T cho Ủy ban nhân dân phường V, quận H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: số tiền 780.000 đồng (Số tiền này đã được chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên)

- Lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 76 Giấy khám sức khỏe giả mang danh Công ty cổ phần Bệnh viện G1 cấp và 02 Giấy khám sức khỏe giả mang danh Bệnh viện B3 cấp; 01 đĩa DVD ghi âm buổi hỏi cung bị cáo Tăng Thị Thu T ngày 27/8/2024; 01 đĩa DVD có chứa 01 file video tên "Zalo-T-Quyen.mp4" dung lượng 98,8 MB; 01 đĩa DVD ghi âm buổi hỏi cung bị cáo Vũ Văn Q ngày 15/11/2024.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo Vũ Văn Q, Tăng Thị Thu T mỗi người phải nộp 200.000 đồng.

Báo cho các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- *TAND tối cao;*

- *TAND tỉnh Hà Nam;*

- *VKSND tỉnh Hà Nam;*

- *Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên;*

- *VKSND thị xã Duy Tiên;*

- *Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;*

- *Cơ quan THAHS Công an tx Duy Tiên;*

- *Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;*

- *Bị cáo, đương sự;*

- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Nguyễn Thị Tươi

